

RÀO ĐÓN TRONG MỜI VÀ TỪ CHỐI LỜI MỜI TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

Dương Bạch Nhật^(*)

Lịch sự, theo Yule (1997:60), là “phương tiện được sử dụng để tỏ ra mình có lưu ý đến thể diện của người khác. Theo nghĩa này, lịch sự có thể được thực hiện trong những tình huống mang tính xa cách hay gần gũi về mặt xã hội.” Xét theo chức năng của lịch sự trong giao tiếp, Nguyễn Quang [14,2004, tr.11] định nghĩa: “Lịch sự là bất cứ loại hành vi nào (cả ngôn từ và phi ngôn từ) được sử dụng một cách có chủ đích và phù hợp để làm cho người khác cảm thấy tốt hơn hoặc ít tồi tệ hơn”. Brown và Levinson [1,1987] cùng với những bổ sung của Nguyễn Quang [14,2004] đã đưa ra một hệ thống các chiến lược lịch sự gồm các chiến lược âm tính (tránh áp đặt lên người khác), và các chiến lược dương tính (tỏ ra quan tâm đến người khác). Tần suất sử dụng của các chiến lược này trong giao tiếp không giống nhau, nhưng trong số những chiến lược lịch sự được sử dụng phổ biến trong giao tiếp hàng ngày có lẽ phải kể đến cách sử dụng **các dấu hiệu rào đón**.

Khi bàn về chiến lược rào đón, Nguyễn Quang [14,2004, tr.103] đã có nhận xét sau”... Nếu suy diễn đến cùng thì ta cũng có thể khẳng định rằng phần lớn, nếu không muốn nói tất cả, các

chiến lược lịch sự, ở các mức độ khác nhau đều sử dụng cách nói rào đón (cả nội, cận và ngoại ngôn). Chính vì đặc điểm này mà các dấu hiệu rào đón đã được định nghĩa nhiều cách khác nhau với cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Một cách khái quát, Yule (1997:130) xem các dấu hiệu rào đón như là “những lưu ý diễn tả cách thức phát ngôn được tiếp nhận ra sao”. Nhấn mạnh chức năng làm nhòa nghĩa của các dấu hiệu rào đón, Brown và Levinson [1,1987, tr.116] cho rằng “các dấu hiệu rào đón được dùng để tránh sự truyền đạt chính xác thái độ của người nói”, hay nói một cách khác theo Nguyễn Quang [14,2004, tr.101] các dấu hiệu này được “sử dụng để tránh sự chính xác của định đề.” Tuy nhiên, Brown và Levinson [1,1987, tr.145] còn định nghĩa rõ và chi tiết hơn về các dấu hiệu này: “dấu hiệu rào đón” là một tiểu từ, một từ, hoặc một đoạn ngữ bổ nghĩa cho mức độ thành viên của một vị ngữ hay một đoạn ngữ danh từ trong một tập hợp; dấu hiệu rào đón cho thấy rằng tính thành viên đó là cục bộ, hoặc chỉ đúng ở những khía cạnh nhất định, hoặc có lẽ là đúng hơn và hoàn chỉnh hơn so với mong đợi (xin lưu ý rằng nghĩa sau là phần mở rộng của ý nghĩa khẩu ngữ của “dấu hiệu rào đón”). Như vậy các tác giả này đã không chỉ

^(*) ThS., Khoa Ngo'i ng+, Tr-êng S'i h'c Quy Nh-n.

giải thích chức năng làm nhòa nghĩa định đề của các dấu hiệu rào đón mà còn giải thích cả chức năng và hình thức biểu hiện với các dấu hiệu tình thái. Ví dụ: Kiểu như (sort of), cứ (rather), khá hoàn toàn (quite)... Theo R. Lakoff (Lakoff 1972, tr.213), Trosbog (1987) và Nguyễn Quang [13,2002] các dấu hiệu rào đón còn bao gồm các dấu hiệu cam kết và chủ quan hoá như: Tôi cho rằng (I suppose), tôi nghĩ rằng (I think), tôi đoán là (I guess)...

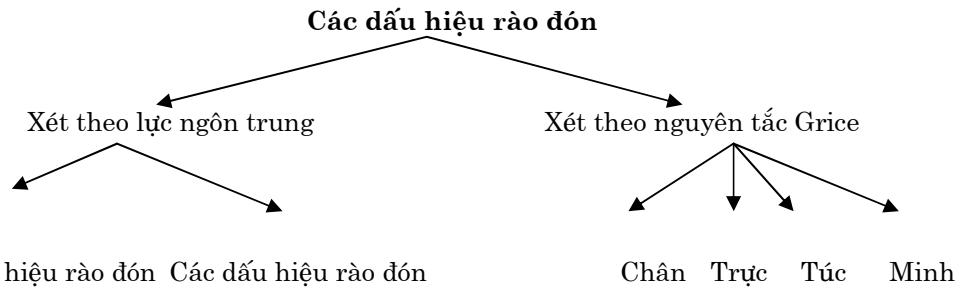
Brown và Levinson [1,1987, tr.116] đã quan sát thấy có một số các dấu hiệu rào đón có chức năng lịch sự dương tính như: *Kiểu như (sort of), cứ (rather), hoàn toàn (quite)*...

- I really sort of think....

- It's really beautiful, in a way.

Những dấu hiệu này, trái ngược với chiến lược phóng đại, dùng để làm mờ nghĩa quan điểm bất đồng của người nói, nhưng ít được dùng trong mời và từ chối lời mời.

Tuy nhiên, các tác giả này cũng nhận thấy rằng thường thì các dấu hiệu rào đón mang đặc điểm của lịch sự âm tính vì chúng hay được dùng để tránh cách nói thẳng thừng và tránh cho người nghe cảm giác bị ép buộc. Xét cách nói rào đón ở khu vực từ vựng - ngữ nghĩa theo chức năng dụng học - giao tiếp trong chu cảnh tình huống và văn hoá, chúng tôi đồng ý với Nguyễn Quang [14,2004, tr.103] khi phân tích các dấu hiệu rào đón theo cách tiếp cận của Brown và Levinson [14,1987, tr.146-172]: **xét theo lực ngôn ngữ trung và theo các nguyên tắc của Grice.**



Các dấu hiệu rào đón mã hoá trong tiểu từ, trạng ngữ mệnh đề

Dựa trên cách tiếp cận này, chúng tôi sẽ thảo luận các dấu hiệu rào đón như một chiến lược lịch sự âm tính với những ví dụ minh họa trong mời và từ chối lời mời trong tiếng Anh và tiếng Việt. Tuy nhiên, trong thực tế vì lời mời có thể bị từ chối và lời từ chối lại dễ làm tổn thương người mời, nên lời mời và từ chối rất ít khi đứng một mình mà thường có khởi ngữ (pre-invitation) và kết ngữ (post-invitation). Vì lý do này, các ví dụ về dấu hiệu rào đón sẽ được minh họa

trong mời và từ chối lời mời cùng với những khởi ngữ và kết ngữ.

1. Rào đón trong mời và từ chối lời mời xét theo lực ngôn ngữ trung

a) Các dấu hiệu được mã hoá trong tiểu từ

Theo Brown và Levinson (1987:146) "*trong một số ngôn ngữ có những tiểu từ mã hoá các dấu hiệu rào đón trong cấu trúc ngôn ngữ*" chúng bao gồm cả các tiểu từ, các từ hoặc các vấn vĩ (question-tags). Xét theo hiệu lực tăng hay giảm đối

với mệnh đề, Brown và Levinson [14,1987, tr.147] đã chia chúng thành hai loại: *rào đón tăng cường* và *rào đón giảm thiểu*:

+ *Các dấu hiệu rào đón tăng cường*: Trong tiếng Anh và tiếng Việt có một số các tiểu từ rào đón làm tăng hiệu lực của nội dung mệnh đề:

- Tiểu từ bổ sung cho nội dung định đề: Anh: *Only, just, merely (chỉ)*- Việt: *chỉ, chỉ là*.

[1] - I would like to invite you to my birthday party. It's *only* a small party with some of my close friends.

- Ngày mai anh tới dự sinh nhật của em nhé! *Chỉ* là một bữa tiệc nhỏ với mấy người bạn thân thôi anh ạ!

- Tiểu từ nhấn mạnh động từ:

[2] - *Do* come and have a drink, please!

- Chúng mình *hãy* đi uống nước đi!

Tuy nhiên, loại tiểu từ này hay dùng trong các câu mệnh lệnh, yêu cầu hơn là trong lời mời. Chúng tôi nhận thấy khi loại từ này được sử dụng thì lời mời có vẻ mang sắc thái nài nỉ:

[3] - *Do* stay for supper!

- *Hãy* ở lại ăn tối đi anh!

- Tiểu từ mang tính kết luận (tiểu kết): Anh: *then*. - Việt: *vậy thì, thế thì... vậy...*

[4] - A-Let's go for a drink this Sunday evening!

B- I'll have gone to Nha Trang that day!

A- Next Sunday, *O.K then?*

A- Tối Chủ nhật này mình đi uống cà phê đi!

A- Hôm đó tớ đi công tác Nha Trang chưa về!

A - *Thế thì* Chủ nhật sau *vậy!*

- Tiểu từ nhấn mạnh tính chân thật: Anh: *really, true* (thật sự)- Việt: *thực sự*.

[5] - *Really*, I can't come!

- Xin lỗi, tôi *thực sự* không thể đến được

- Tiểu từ cảm thán chỉ sự ngạc nhiên hay nhấn mạnh:

[6] - Oh! *So* interesting!, but I can't come....

- Ôi! Hay *quá!* Nhưng tiếc là em không thể đi được...

+ *Các dấu hiệu rào đón giảm thiểu*: Có một số các dấu hiệu rào đón được sử dụng để làm giảm lực ngôn ngữ của nội dung mệnh đề trong tiếng Anh và tiếng Việt:

- Các vấn đề: Anh: *will you...* - Việt: *em nhé? anh nhỉ? Chứ nhỉ?...*

[7]- Let's go for drink, *will you?*

- Chúng mình đi uống nước *em nhé?*

- Các từ chỉ sự ngập ngừng do dự: Anh: *perhaps* (có lẽ), *wonder...* (không biết là...)- Việt: *có lẽ, không biết là...*

[8] - *Perhaps* go for drink now!

- *Có lẽ* mình đi làm chén trà đi?

[9] - *I wonder if* you could come for my birthday party tomorrow?

- *Tôi không biết là* anh có thể đến dự tiệc sinh nhật của tôi vào ngày mai được không?

Trong tiếng Anh, nghĩa “có lẽ” còn đi liền với một số động từ: *may, might...*

- Sorry, I *may* be busy that day.

- Các từ chỉ sự e ngại, trái với mong đợi: Anh: Sorry (xin lỗi), afraid... (e rằng)
-Việt: xin lỗi, e rằng.

[10]- *Sorry, (I'm afraid) I can't come. I have another plan on that day.*

- Xin lỗi, mình (e rằng) không thể đến được vì hôm ấy mình mắc bận mất rồi!

- Các từ trích dẫn: it is said (nghe nói là, người ta nói là...)

[11]- *It is said that the film on at Leloi cinema is very interesting. Let's go to see it tonight!*

- Nghe nói rạp Lê Lợi đang chiếu bộ phim rất hay. Tối nay mình đi xem đi!

Như vậy, ta thấy xét theo lực ngôn trung, trong cả tiếng Anh và tiếng Việt đều xuất hiện hai loại rào đón: rào đón tăng cường và rào đón giảm thiểu. Và các loại rào đón này đều có thể diễn đạt bằng những từ và cụm từ có nghĩa tương đương trong hai ngôn ngữ.

a) Trạng ngữ mệnh đề

Các dấu hiệu này bao gồm các cú hay các mệnh đề trạng ngữ có chức năng tăng hay giảm lực ngôn trung của nội dung mệnh đề. Ví dụ: *to say the least of it (nói chí ít ra là), in fact (trong thực tế), as a matter of fact (thực tế là)*. Trong tiếng Việt chúng thường có vị trí đầu câu (khởi ngữ), nhưng trong tiếng Anh chúng có vị trí linh hoạt hơn (khởi ngữ, xen ngữ, kết ngữ). Các loại mệnh đề này ít dùng trong lời mời và từ chối lời mời.

Tuy nhiên, có một loại mệnh đề rất hay dùng trong câu yêu cầu, đề nghị và lời mời mà Heringer [5,1972] đã chỉ ra, đó là mệnh đề “*if*” (nếu). Dùng để “treo

lủng” điều kiện thuận hành, mệnh đề này thường xuất hiện với tần suất cao cả trong tiếng Anh và tiếng Việt: Anh: *if you can (nếu anh có thể), if you want (nếu anh muốn), if you let me (nếu anh cho phép)*... Việt: *nếu anh có thể..., nếu anh muốn*.

[12]- Join our club *if you would like?*

- Nếu cậu thích hãy gia nhập vào câu lạc bộ bọn mình đi!

[13]- I would like to invite you to drop into my home *if you free*.

- Nếu anh không bận gì, mời anh ghé qua nhà chúng tôi chơi.

[14]- I'll take you out to dinner *if you let me*.

- Nếu anh cho phép tôi sẽ dẫn anh đi ăn tối.

Kiểu mệnh đề này góp phần tạo ra tiền giả định là hành động sẽ chỉ được thực hiện trong điều kiện thuận hành đã nêu ra trong mệnh đề “*if*” (nếu) và như vậy người nghe cảm thấy không bị ép buộc hay không cảm thấy phiền lòng vì lối thoát vẫn được bỏ ngõ.

2. Rào đón trong mời và từ chối lời mời xét theo nguyên tắc của Grice

Grice (1975) đã đưa ra bốn nguyên tắc hợp tác tham thoại (Cooperative principle):

- Chất (Quality): Đừng nói những gì mà bạn không tin là đúng và không đủ bằng chứng.

- Lượng (Quantity): Cung cấp đủ (không thừa) thông tin theo đúng mục đích yêu cầu của tham thoại.

- Hệ (Relevance): Bảo đảm rằng những gì bạn nói là thích hợp với tham thoại.

- Thúc (Manner): Diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu - tránh diễn đạt tối nghĩa, mơ hồ.

Những nguyên tắc này, không thay đổi gì về bản chất, đã được Brown và Levinson [14,1987,tr.164] diễn giải các nguyên tắc trên theo bốn bình diện:

- Chân (Quality): không giả mạo, chân thực

- Túc (Quantity): nói không thiếu, không thừa

- Trực (Relevance): nói thẳng vào vấn đề

- Minh (Manner): nói năng rõ ràng, hiển ngôn

(Nguyễn Quang dịch 2004:107)

Chúng ta có thể nhận thấy, với chức năng “để tránh độ chính xác của mệnh đề”, các dấu hiệu rào đón đã vi phạm các nguyên tắc của Grice nêu trên. Theo cách diễn giải của Brown và Levinson (1987), chúng ta sẽ xem xét các dấu hiệu rào đón vi phạm từng nguyên tắc này trong lời mời và từ chối lời mời trong tiếng Anh và tiếng Việt.

a) Các dấu hiệu rào đón “Chân”

Theo nguyên tắc Chân, thông tin đưa ra phải chân thực. Tuy nhiên, để giảm độ chính xác của phát ngôn, trong giao tiếp người ta sử dụng một số dấu hiệu rào đón như: Anh: *It seems that (hình như là), I've heard that (nghe nói là), as far as I remember (theo tôi nhớ là) ...* - Việt: *hình như là, nghe nói là, nghe đâu là, có thể là, nếu tôi không nhầm...* (see Nguyễn Quang, 2004, tr.109-110).

[15]- *I've heard that* there is a new café. Let's go there!

- *Nghe nói là* có quán cà phê mới mở hay lắm. Mình đi uống thử đi!

Bên cạnh đó, có một số dấu hiệu rào đón Chân khi được sử dụng thì trách nhiệm của người nói đối với tính chính xác của thông tin mà anh ta đưa ra được nhấn mạnh. Ví dụ: Anh: *I'm sure that..., I'm certain that..., I know for sure that..., I (do) believe that.* - Việt: *Tôi tin chắc là..., Tôi có thể nói chắc chắn rằng..., Tôi biết chắc là..., Tôi tin là...* (Nguyễn Quang, 2004, tr.114-115)

[16]- Let's go to see the film. *I believe* it's very interesting!

- Chúng mình đi xem phim đó đi em! *Anh tin chắc là* sẽ hay lắm đấy!

Ngoài hai chức năng trên, các dấu hiệu rào đón Chân còn có vai trò lôi kéo người nghe vào việc xác nhận tính chân thực của phát ngôn bằng cách cho rằng người nghe (hay nhiều người) cũng cho là như vậy. Ví dụ: Anh: *As you know (Như anh/ chị biết đấy) ..., As is known (Ta biết rằng)..., As is well known... As you and I both know (chúng ta đều biết rằng)...* Việt: *Như anh/ chị biết đấy..., Như ta đã biết..., Ai cũng biết là..., Anh/Chị cũng biết rõ là...* (see Nguyễn Quang, 2004, tr.117)

[17]- A: Let's go to the cinema tonight!

B: *As you know*, it now is the end of the semester so I'm so busy...

- A: Tối nay đi xem phim đi em!

B: *Anh cũng biết đấy*, bây giờ là cuối học kỳ nên em rất bận...

b) Các dấu hiệu rào đón “Túc”

Theo nguyên tắc “Lượng” của Grice hay nguyên tắc “Túc” của Brown và

Levinson, thông tin đưa ra phải đầy đủ - không thiếu cũng không thừa. Tuy nhiên, trong giao tiếp có những trường hợp người phát ngôn muốn tỏ ra không chịu trách nhiệm về thông tin mình đưa ra nên đã sử dụng một số dấu hiệu rào đón để nhằm lưu ý với người nghe là thông tin đưa ra không được đầy đủ và chính xác như mong đợi. Ví dụ: Anh: *Approximately, About (Khoảng), Up to point (ở một điểm nào đó), To some extent (ở một mức độ nào đó), In short (tóm lại)...*

Việt: Khoảng, độ khoảng, khoảng chừng, nhìn chung, ở một mức độ nào đó...

[18]- *Around 7p.m. tomorrow, come to my home for dinner!*

- *Khoảng* bảy giờ tối mai qua nhà anh ăn tối nhé!

Từ “*khoảng*” đã làm giảm độ chính xác của lời mời, nhưng chính vì vậy đã giúp cho người nghe cảm thấy không bị ép buộc hay gò bó quá.

Các dấu hiệu Túc còn được sử dụng để đưa đầy thông tin như: Anh: *I'll just say (Tôi có thể nói rằng)...* *I should think (Tôi cho rằng)...*

Việt: Tôi có thể nói rằng..., Thiển nghĩ...

Tuy nhiên, các dấu hiệu này hầu như không sử dụng cho mục đích mời và từ chối lời mời trong cả Anh và Việt.

c) Các dấu hiệu rào đón “Trực”

Để không vi phạm nguyên tắc Trực, theo cách diễn giải của Brown và Levinson, thì người nói cần phải đi thẳng vào vấn đề. Tuy nhiên, có nhiều khi, người nói chú ý vi phạm nguyên tắc này bằng cách sử dụng một số dấu hiệu rào

đón với chức năng tạo điều kiện chuẩn bị. Ví dụ: Anh: *By the way (nhân tiện đây)...*, *Sorry I've just thought (Xin lỗi tôi chợt nghĩ ra)...*, *Anyway... (Dù sao thì), While I remember (Trong khi tôi còn nhớ)...*, *Oh, God! I've just remember (Chúa ơi! tôi vừa nhớ ra)...* *I'm sorry... (Tôi xin lỗi), I'm afraid that (Tôi e rằng)...*

Việt: à!..., à, nhân tiện đây..., à, tiện thể..., à, suýt nữa thì quên..., Chán quá..., Tiếc quá...

Các dấu hiệu này được dùng với tần suất rất cao trong những hành động lời nói có mức độ đe dọa thể diện cao như ra lệnh, yêu cầu, mời và từ chối...

[19]-... It is now the beginning of the year so we are not busy in work and donot know what to do to kill time. *By the way*, I'd like to invite you to go for a picnic with us!

-... Dạo này mới đầu năm nên công việc cũng còn nhàn lăm. Cũng chẳng biết làm gì cho hết thời gian. *À! Nhân đây*, mình mời cậu đi chơi dã ngoại với bọn mình đi!

Chúng ta có thể thấy khi các dấu hiệu rào đón kiểu này được sử dụng, lời mời nghe có vẻ tự nhiên hơn. Trong từ chối, người ta cũng hay dùng những rào đón loại này để tránh cho lời từ chối mang tính thẳng thừng quá.

[20]- *What a pity!* I've promised to return home this weekend. So *I m sorry* I can't go with you. Thanks, *anyway*.

- *Tiếc quá!* Mình đã hứa với gia đình là sẽ về vào cuối tuần mất rồi! *Mình xin lỗi là không thể đi với các cậu được. Dù sao thì* cũng cảm ơn các cậu rất nhiều

Bên cạnh đó, các dấu hiệu rào đón Trực còn được sử dụng để nhằm che chắn cho người nói khi anh ta không biết chắc về việc liệu nội dung mệnh đề được nêu ra trong hành động lời nói có thực sự quan trọng hay không.

[21]- *I don't know whether you're interested or not, but the film seems to be on a special topic, so I've got two tickets to invite you to see it tomorrow.*

- *Tôi không biết là anh có quan tâm hay không, nhưng thấy bộ phim về đề tài đặc biệt quá nên tôi kiếm hai vé mời anh đi xem vào tối mai.*

d) Các dấu hiệu rào đón “Minh”

Theo nguyên tắc “Minh”, phát ngôn phải được diễn đạt rõ ràng, tránh lòng vòng và tối nghĩa, nhưng có một số dấu hiệu rào đón lại được sử dụng để dọn đường cho việc tường minh hoá các chủ định giao tiếp. Ví dụ: *Anh: To put it more simply (Đơn giản là) ..., More clearly... Rõ ràng hơn), Well, you see... (Anh/Chị thấy đấy), It means....(Nó có nghĩa là).*

Việt: Đơn giản là..., Nói một cách khác..., ý tôi là..., Anh/Chị thấy đấy.

[22]A- Sunday afternoon I'm going to cook something, come, please!

B- Sorry, I can't. *You see*, my husband's mother will come, so I'll have to stay at home in the charge of her daughter-in-law.

A- Chiều Chủ nhật này mình định nấu món gì đó, cậu nhớ tối nhé!

B- Dạ, em xin lỗi, chắc em không đến được. *Chị thấy đấy*, bà nội mấy đứa lên chơi nên em phải ở nhà làm nhiệm vụ của con dâu đảm đang chứ.

Dấu hiệu rào đón “Minh” còn được sử dụng để kiểm tra xem người nghe có hiểu rõ ý kiến hay thông tin người nói đưa ra hay không. Ví dụ: *Việt: Thế nào?, Rõ chưa?, Anh/Chị có hiểu ý tôi không?... Anh: Yeah? (Thế nào, hả?), O.K.? (Ô-kê?), Understand? (Hiểu không?)...*

Những dấu hiệu rào đón loại này ít sử dụng trong mời và từ chối lời mời. Tuy nhiên, trong lời mời thân mật, “O.K”, (Chứ?) cũng thường được dùng để hỏi xem người nghe có chấp nhận lời mời hay không:

[23]- Eh! Beer? *O.K?*

- Ê! Bia, *Ô-kê?* (Bia chứ?)

Thỉnh thoảng kiểu hỏi này cũng được dùng trong lời hẹn khi từ chối lời mời của một người có mối quan hệ thân thiết và cùng lứa tuổi:

[24]- Sorry, I can't come. Maybe another time, *O.K.?*

- Xin lỗi, mình không thể đến được, *Để dịp khác được không?*

Tóm lại, “Rào đón” là một chiến lược lịch sự được sử dụng rất phổ biến trong giao tiếp hàng ngày. Có một số “*dấu hiệu rào đón*” mang đặc điểm của chiến lược dương tính, nhưng phần lớn các dấu hiệu loại này có chức năng lịch sự âm tính vì chúng thường được dùng để tránh lối nói trực tiếp, thẳng thừng trong những hành động lời nói đe dọa thể diện của đối tác giao tiếp như: ra lệnh, yêu cầu, mời và từ chối... và tạo cho người nghe cảm giác không bị ép buộc. Qua các ví dụ về các dấu hiệu rào đón trong mời và từ chối lời mời phân tích theo cách tiếp cận của Brown và Levinson (1987), ta thấy trong

cả tiếng Anh và tiếng Việt đều xuất hiện rào đón tăng cường và rào đón giảm thiểu (xét theo lực ngôn trung) và các dấu hiệu rào đón Chân, Túc, Trực, Minh (xét theo nguyên tắc của Grice). Trong phạm vi bài báo này chúng tôi chỉ đề cập tới chức năng chung của các dấu hiệu rào đón và giới thiệu các dấu hiệu có thể diễn đạt bằng những từ và cụm từ có *nghĩa tương đương* trong mời và từ chối lời mời trong cả hai ngôn ngữ. Tuy nhiên, theo nhận xét của Nguyễn Quang (2004, tr.101) “*nhiều khi người ta gặp*

các trường hợp trong đó một ngôn ngữ sử dụng tiểu từ để che chắn lực ngôn trung, một ngôn ngữ khác lại sử dụng cả một cụm từ, trong khi đó một ngôn ngữ khác nữa lại chỉ viện đến một (một vài) yếu tố cận và/hoặc ngoại ngôn cho cùng một mục đích”. Chính vì vậy, nếu nghiên cứu sâu hơn, chắc chắn trong tiếng Anh và Việt sẽ còn những dấu hiệu khác biệt và, hơn nữa, tần suất sử dụng các dấu hiệu này trong giao tiếp của hai ngôn ngữ Anh và Việt cũng sẽ có nhiều điểm không tương đồng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Brown, P and Levinson, S., *Politeness: Some Universals in Language Usage*, CUP, 1987.
2. Ellis, C., *Culture Shock-Vietnam*, Times Editions Pte Ltd, 1996.
3. Fasold, R., *The Sociolinguistics of Language*, Brasil Blackwell , 1990.
4. Halak, L., *Phép lịch sự hàng ngày*, NXB Thanh Niên, 1997.
5. Heringer, J.T., *Some Grammatical Correlates of Felicity Conditions and Presuppositions*, Ph.D. Dissertation; Ohio State Univ, Working Papers in Linguistics, 1972.
6. Hymes, D.,ed., *Language in Culture and Society*, New York, 1964.
7. Lado, R., *Linguistics across Cultures: Applied Linguistics for Language Teachers*, Ann Arbor: The University of Michigan Press, 1957.
8. Lakoff, R., *Pragmatics in Natural Logic*, In Formal Semantics of Natural Language, ed. E.L. Keenan, Cambridge,1975, pp. 253-86.
9. Lakoff, R., *What You Can Do with Words: Politeness, Pragmatics and Performatives*, In Rodger, Andy, Wall, Bob and Murphy, John (eds.), Proceedings of the Texas Conference on Performatives, Presuppositions and Implicatures, Arlington, V.A.: Center for Applied Linguistics, 1977 b, pp.79-106.
10. Nguyễn Quang, Một số phạm trù giao thoa văn hóa Việt-Mỹ trong hoạt động giao tiếp, *Tạp San Ngoại ngữ*, 4/96, 1998.
11. Nguyễn Quang, Trực tiếp và Gián tiếp trong Dụng học giao thoa văn hóa Việt-Mỹ, *Tạp San Ngoại ngữ*, 4/98, 1998.
12. Nguyễn Quang, *Một số khác biệt giao tiếp lời nói Việt-Mỹ trong cách thức khen và tiếp nhận lời khen*, LV T.S, 1999.
13. Nguyễn Quang, *Giao tiếp và giao tiếp giao văn hóa*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.

14. Nguyễn Quang, *Một số vấn đề giao tiếp nội văn hóa và giao văn hóa*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004.
15. Nguyễn Thị Thê, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, T.P Hồ Chí Minh- Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 1999.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, Foreign Languages, T.XII, n^o4, 2006

HEDGING IN INVITING AND DECLINING INVITATIONS IN VIETNAMESE AND AMERICAN ENGLISH

Duong Bach Nhat, MA

Foreign Language Department - Quy Nhon University

Hedges are used with a great frequency in real-life communication. In this paper, hedges with the function of a negative politeness strategy are discussed on illocutionary force and on Grice's maxims with the illustrations in making invitations and declining invitations in Vietnamese and English.